TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26-06-2019
V/v ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tới

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Ngọc Thanh

2. Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang *không tham gia phiên tòa*.

Ngày 26 tháng 06 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 về "ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 06 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh năm 1978 (có mặt);

* Bị đơn: Anh Bùi Văn T (T2), sinh năm 1972 (có mặt);

Cùng địa chỉ: khu phố 2, t tr T 11, huyện A M, tỉnh K G

NỘI DUNG VỤ ÁN:

******* *Theo đơn khởi kiện ngày 01/11/2018, biên bản hòa giải ngày 20/5/2019 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Tr trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị Tr và anh T chung sống với nhau vào năm 1997, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không lo làm ăn , chỉ ham chơi, uống rượu, cờ bạc, đá gà, đánh bài. Chị có khuyên anh T nhiều lần nhưng anh T không sửa đổi. Chị ly thân với anh T từ tháng 06/2017 cho đến nay.

- Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Trọng Tr, sinh ngày 15/12/1998; Nguyễn Chí Th, sinh ngày 22/02/2004, hiện nay Tr đã thành niên; Th sống chung với chị Tr.

- Về tài sản: Vợ chồng không tranh chấp.

- Về nợ: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Th, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Vợ chồng không tranh chấp.

- Về nợ: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

* Tại tờ tường trình ngày 16/5/2019, biên bản hòa giải ngày 20/5/2019 bị đơn anh Bùi Văn T trình bày:

- Về thời gian chung sống, không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, con chung, nợ là đúng như lời trình bày của chị Tr. Ly thân nhau từ tháng 02/2019 đến nay.

Mâu Thuẫn: Trước đây anh có uống rượu nhưng vẫn lo làm ăn sinh sống, gần 01 năm nay anh đã giảm bớt uống rượu, chăm lo làm ăn.

Tài sản: Có gửi quỹ tín dụng thị trấn Thứ 11 là 400.000.000 đồng do chị Tr đứng tên, 01 thẻ ATM chị Tr đứng tên có tiền là 40.000.000 đồng, 01 mảnh đất bên vợ cho ngang 11 mét, dài khoảng 20 mét ở khu phố 2 hiện có căn nhà cấp 4; 03 chiếc xe Mô tô (tất cả tài sản này chị Tr quản lý), anh Nguyễn Văn T mượn nợ 30.000.000 đồng, Nguyễn Văn K mượn nợ 20.000.000 đồng.

Nay theo yêu cầu của chị Tr, anh T có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị Tr. Lý do còn thương vợ.

Trường hợp Tòa án xử cho ly hôn thì anh có ý kiến như sau:

- Về con chung: Yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Chí Th, không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Vợ chồng không tranh chấp, không yêu cầu.

- Về nợ: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

* Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Tr giữ nguyên lời trình bày, yêu cầu và chấp nhận cho anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con; bị đơn anh

Bùi Văn T không đồng ý ly hôn với chị Tr, trường hợp Tòa án cho chị Tr ly hôn với anh thì anh đồng ý giao con chung tên Nguyễn Chí Th cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ ngày 26/6/2019 cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Tr và anh T không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, ngày 11 tháng 6 năm 2019 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr và anh T chung sống với nhau vào năm 1997, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (UBND xã nơi một trong hai người cư trú). Như vậy là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 (có hiệu lực ngày 03/01/1987). Đến khi có Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (có hiệu lực ngày 01/01/2001) và Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (có hiệu lực ngày 01/01/2015) anh chị vẫn không đăng ký kết hôn, nên thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng",* và tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình quy định *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này"*. Do đó, nay chị Tr có yêu cầu ly hôn với anh T, thì theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án sẽ quyết định bằng bản án tuyên bố không công nhận chị Tr và anh T là vợ chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Tr và anh T xác định, anh chị có hai người con chung tên Nguyễn Trọng Tr, sinh ngày 15/12/1998; Nguyễn Chí Th, sinh ngày 22/02/2004, hiện nay Tr đã thành niên; Th sống chung với chị Tr. Xét thấy cháu Nguyễn Trọng Tr, sinh ngày 15/12/1998 đến nay đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xét; theo bản thể hiện nguyện vọng của cháu Nguyễn Chí Th ngày 01/11/2018 thì khi chị Tr và anh T ly hôn, cháu Th có nguyện vọng tiếp tục chung sống với chị Tr; tại phiên tòa anh T đồng ý giao cháu Th cho chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng sau khi ly hôn nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật hôn

nhân và gia đình năm 2014 giao con chung tên Nguyễn Chí Th, sinh ngày 22/02/2004 cho chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tr không yêu cầu, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Th hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ ngày 26/6/2019 cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi. Xét thấy, tuy chị Tr có thu nhập ổn định từ nghề mua bán, đủ điều kiện để nuôi con và chị Tr chấp nhận sự tự nguyện của anh T nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh T về cấp dưỡng nuôi cháu Th.

[5] Về tài sản: Chị Tr và anh T xác định, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Tr và anh T xác định, anh chị không nợ ai, có nhiều người nợ anh chị nhưng không tranh chấp, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, anh T chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 228 ; Điều 235 và Điều 241 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; khoản 2 Điều 81, khoản 2 điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Ngọc Tr và anh Bùi Văn T.

- *Về quan hệ con chung:* Chị Nguyễn Thị Ngọc Tr được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Chí Th ngày 22/02/2004.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Ghi nhận sự tự nguyện của anh Bùi Văn T cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Chí Th, sinh ngày 22/02/2004 mỗi tháng 1.000.000 đồng, phương thức cấp dưỡng: Cấp hàng tháng, kể từ ngày 26/6/2019 cho đến khi cháu Thiện đủ 18 tuổi .

- *Về tài sản chung:* Chị Tr và anh T xác định, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung:* Chị Tr và anh T xác định, anh chị không nợ ai, có nhiều người nợ anh chị nhưng không tranh chấp, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Ngọc Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Tr đã nộp, theo biên lai thu số 0006180 ngày 12/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị Tr đã nộp xong; anh Bùi Văn T chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

- *Về quyền kháng cáo:* Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Tr và bị đơn anh Bùi Văn T. Báo cho chị Tr và anh T biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện AM;
- Tòa án tỉnh KG;
- CCTHADS huyện AM;
- UBND xã thị trấn Thứ 11;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng TA huyện AM.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Tới

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**